

## **KẾ HOẠCH**

### **Cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2022**

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích**

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh đảm bảo bám sát mục tiêu, hoàn thành các chỉ tiêu theo Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020-2025 và Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động ban hành kèm theo Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương; lấy kết quả thực hiện làm thước đo để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, năng lực, hiệu quả công tác của tổ chức, cá nhân gắn với bình xét thi đua, khen thưởng để tạo động lực cho các cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành tốt nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2022 và các năm tiếp theo.

##### **2. Yêu cầu**

- Xác định rõ mục tiêu, các nhiệm vụ cụ thể và trách nhiệm chủ trì, phối hợp thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2022 của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo từng lĩnh vực, đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung, tiến độ thời gian, đề ra giải pháp thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn, khả năng nguồn lực của tỉnh và mức độ sẵn sàng đáp ứng của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động nghiên cứu, sáng tạo, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng giải pháp đổi mới trong tổ chức thực hiện làm khâu đột phá. Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính, giảm tầng nấc, rút ngắn thời gian giải quyết, nâng cao tính minh bạch, tạo thuận lợi tối đa cho tổ chức, công dân và tiết kiệm chi phí xã hội.

#### **II. CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

##### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

a) Chỉ tiêu:

- 100% cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng, ban hành kế hoạch cải cách hành chính đảm bảo đầy đủ nội dung, phù hợp với thẩm quyền được phân cấp và tổ chức thực hiện đảm bảo thời gian theo quy định.

- Tổ chức kiểm tra cải cách hành chính tại cơ quan, địa phương đối với ít nhất 30% cơ quan hành chính cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành kiểm tra cải cách hành chính đối với ít nhất 30% đơn vị cấp xã; 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra cải cách hành chính phải được khắc phục ngay trong năm.

- 100% cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức tự kiểm tra công tác cải cách hành chính trong nội bộ cơ quan và các đơn vị trực thuộc.

#### b) Nhiệm vụ và giải pháp:

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2020-2025 của tỉnh để xây dựng và ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2022 của cơ quan, địa phương. Kế hoạch cần xác định cụ thể nhiệm vụ, thời gian hoàn thành, sản phẩm đạt được gắn liền với quy định trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc của người đứng đầu và nhiệm vụ triển khai thực hiện của tổ chức.

- Tăng cường công tác kiểm tra kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, tập trung kiểm tra thủ tục hành chính ở các lĩnh vực giải quyết còn chậm trễ, gây bức xúc trong nhân dân (như: đất đai, đầu tư, xây dựng, môi trường, lao động - thương binh và xã hội...). Kịp thời chỉ đạo xử lý, khắc phục những vi phạm, sai sót, xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, người đứng đầu trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ, thẩm quyền được giao trong công tác quản lý nhà nước trên địa bàn, lĩnh vực phụ trách qua công tác kiểm tra.

- Thực hiện tuyên truyền, đăng tải kịp thời, đầy đủ các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử của tỉnh; cung cấp đầy đủ thông tin về dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, dịch vụ bưu chính công ích để người dân biết, tiếp cận và sử dụng.

- Tổ chức thực hiện tốt các giải pháp nhằm tiếp tục nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh (Par Index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022 và các năm tiếp theo.

## 2. Cải cách thể chế

#### a) Chỉ tiêu:

100% văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và đảm bảo chất lượng theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản dưới luật hướng dẫn việc thực hiện.

b) Nhiệm vụ và giải pháp:

- Tăng cường công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật, 100% văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh còn hiệu lực thi hành được rà soát trong năm; thực hiện việc sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, ban hành mới đối với các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung không phù hợp với quy định của Trung ương hoặc không đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý, điều hành của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi các văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh; đảm bảo công khai, minh bạch các quy định, cơ chế chính sách bảo đảm việc tiếp cận của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức thực hiện tốt các quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; đảm bảo công khai, minh bạch các quy định, cơ chế chính sách bảo đảm việc tiếp cận của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

### **3. Cải cách thủ tục hành chính**

a) Chỉ tiêu:

- Phối hợp với Bộ, ngành Trung ương hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm xã hội và đất đai với Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh phục vụ việc giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã.

- Hoàn thành việc triển khai sử dụng hóa đơn, chứng từ điện tử được tích hợp vào Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh để thực hiện thu phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính thay thế cho việc sử dụng hóa đơn, chứng từ bằng giấy tại 100% Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã.

- Triển khai công tác số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng và phần đầu đạt tối thiểu tương ứng 50%, 40%, 35% đối với kết quả thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để đảm bảo việc kết nối chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Tổ chức triển khai quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, 60% Bộ phận Một cửa cấp huyện, 30% Bộ phận Một cửa cấp xã.

- Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến; trong đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

- Hoàn thành việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đối với 100% tổng số thủ tục hành chính đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh và tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 trên tổng số hồ sơ đạt trên 30%.

- Phần đầu tối thiểu 30% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu được chấp nhận khi giao dịch thành công hồ sơ thủ tục hành chính trước đó mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đó được cơ quan nhà nước khác sẵn sàng chia sẻ và đáp ứng được yêu cầu.

- Giảm thời gian chờ đợi của người dân, doanh nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã xuống trung bình còn tối đa 30 phút/01 lần đến giao dịch.

- Phần đầu đến hết năm 2022, mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 85%.

#### b) Nhiệm vụ và giải pháp:

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về lợi ích dịch vụ công trực tuyến để người dân hiểu rõ và thực hiện; hạn chế việc tiếp nhận hồ sơ trực tiếp đối với các thủ tục đã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính; thực hiện an toàn thông tin lưu trữ hồ sơ, giấy tờ điện tử có giá trị pháp lý cho người dân, doanh nghiệp.

- Chú trọng công tác kiểm soát thủ tục hành chính, đẩy mạnh rà soát đánh giá, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm bớt giấy tờ, quy trình, thời gian giải quyết, tập trung vào các thủ tục còn nhiều bức xúc, gây tắc nghẽn trong công tác quản lý và các hoạt động liên quan đến người dân và doanh nghiệp: tài nguyên và môi trường, đất đai, thuế, đầu tư... gắn với việc công bố công khai, kịp thời cập nhật lên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo quy định.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính” theo Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích (đạt 20% trở lên); đưa các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương ra tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa các cấp theo Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã (Bộ phận Một cửa cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp huyện chọn) tại thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn, huyện Tuy Phước, huyện Phù Cát, huyện Phù Mỹ, huyện An Lão.

### **4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

#### a) Chỉ tiêu:

- 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện được rà soát ban hành quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bên trong đảm

bảo tiêu chí thành lập phòng, chi cục và bố trí đúng số lượng cấp phó lãnh đạo, quản lý theo quy định;

- Thực hiện sắp xếp, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, 100% đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo một phần chi thường xuyên có tỷ lệ tự chủ năm sau cao hơn năm trước.

b) Nhiệm vụ và giải pháp:

- Tiếp tục rà soát tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; cắt giảm, sắp xếp lại các phòng chuyên môn, chi cục, tổ chức thuộc, trực thuộc sở, ngành, địa phương nếu không đảm bảo tiêu chí, điều kiện theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tổ chức cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện.

- Thực hiện rà soát đánh giá, phân loại đơn vị sự nghiệp công lập để xác định mức độ tự chủ, thực hiện sắp xếp theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế theo đúng đối tượng, bảo đảm tỷ lệ và tiến độ theo kế hoạch của cơ quan, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ.

- Thực hiện phân cấp, phân quyền đảm bảo tính chủ động giữa nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm, đồng bộ với nguồn lực tài chính theo Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh đã thực hiện phân cấp cho cấp huyện, cấp xã.

## **5. Cải cách chế độ công vụ**

a) Chỉ tiêu:

- Đạt tỷ lệ từ 85% trở lên cán bộ chuyên trách cấp xã có trình độ đại học, được chuẩn hoá về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác.

- Phần đầu đạt trên 70% công chức cấp xã có trình độ đại học (không bao gồm cán bộ, công chức làm việc tại các xã miền núi, vùng cao, biên giới, hải đảo, xã đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn).

b) Nhiệm vụ và giải pháp:

- Tiếp tục rà soát để bổ sung, hoàn thiện đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu lại và bố trí cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo theo khung năng lực, yêu cầu vị trí việc làm đã xác định, đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng hiệu quả giải quyết công việc.

- Triển khai quy hoạch cán bộ, rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020-2025 và thực hiện quy hoạch cán bộ giai đoạn 2025-2030. Nghiên cứu triển khai thực hiện thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước theo đúng quy định của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tế.

- Tiếp tục thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng thực thi công vụ theo vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức. Thực hiện bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2021-2026.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh theo lộ trình của Trung ương; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thi tuyển, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát thực thi công vụ, xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

## **6. Cải cách tài chính công**

### **a) Chỉ tiêu:**

- 100% cơ quan hành chính các cấp thực hiện đúng quy định về cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính.

- Ban hành các quy định về danh mục dịch vụ sự nghiệp công lập, định mức kinh tế - kỹ thuật; tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo thông tư hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương.

- Thực hiện chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần theo lộ trình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

### **b) Nhiệm vụ và giải pháp:**

- Tổ chức triển khai thực hiện các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ. Thực hiện có hiệu quả Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tiếp tục rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm tạo điều kiện đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức ngoài công lập tham gia cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trên các lĩnh vực. Tiếp tục hoàn thiện các quy định về đổi mới cơ chế và quy trình, thủ tục phân bổ ngân sách, đổi mới cơ chế tự chủ tài chính cơ quan hành chính nhà nước và cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra cải cách tài chính công gắn với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

## **7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử**

### **a) Chỉ tiêu:**

- Tối thiểu 50% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành (không bao gồm nội dung mật) được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- 50% hồ sơ công việc tại cơ quan cấp tỉnh, 40% đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện và 30% đối với Ủy ban nhân dân cấp xã được tạo lập dưới dạng điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 20% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

### **b) Nhiệm vụ và giải pháp:**

- Ban hành các chủ trương, quy định, chính sách của tỉnh theo khung pháp lý của Trung ương về xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Tổ chức triển khai Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số đảm bảo phù hợp với lộ trình thực hiện Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 5360/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh, duy trì, cập nhật hoàn thiện Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và yêu cầu phát triển Chính phủ số, Chính quyền số.

- Triển khai xây dựng các đề án số hóa dữ liệu chuyên ngành (ưu tiên các lĩnh vực tài nguyên môi trường, xây dựng, dự án đầu tư) và tích hợp lên các nền tảng số, kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu chuyên ngành với trục LGSP của tỉnh phục vụ công tác chuyển đổi số nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng Chính quyền điện tử theo hướng Chính phủ số.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Công thông tin chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; phát triển và vận hành Phần mềm họp không giấy (e-Cabinet) giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Mở rộng phạm vi thí điểm Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh tại Sở Xây dựng, Sở Tư pháp, Sở Y tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Xây dựng và tích hợp Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (iDesk) đảm bảo các tính năng theo quy định, kết nối liên thông trao đổi văn bản điện tử giữa tất cả các cơ quan, đơn vị, địa phương và kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia. Tích hợp điện tử hóa để nâng cao hiệu quả trong áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong các cơ quan hành chính nhà nước.

*(Kèm theo Phụ lục danh mục 38 nhiệm vụ trọng tâm)*

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh được bố trí từ nguồn ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

2. Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để triển khai thực hiện các nội dung, chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh theo quy định của pháp luật.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện thị xã, thành phố**

- Tổ chức thực hiện đúng, đầy đủ, đảm bảo chất lượng và tiến độ đối với các nhiệm vụ được phân công theo Kế hoạch; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ về kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính theo quy định.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về nhiệm vụ cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, tự kiểm tra cải cách hành chính, tăng cường công tác kiểm tra đột xuất; kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách hành chính của đơn vị, địa phương.

#### **2. Sở Nội vụ**

- Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện Kế hoạch này. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tổ chức đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính; đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện thi đua khen thưởng trong công tác cải cách hành chính.



- Hàng quý, 06 tháng, cuối năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ kết quả thực hiện theo quy định.

### **3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thủ tục hành chính; nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính.

- Phối hợp với Sở Nội vụ trong công tác tổng hợp, báo cáo và tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc thực hiện các nội dung tại Kế hoạch này.

### **4. Sở Tài chính**

- Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc đảm bảo kinh phí để triển khai chương trình, kế hoạch công tác cải cách hành chính của tỉnh; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị nội dung, định mức chi, phương thức quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính năm 2022 theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tài chính công; theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về cải cách tài chính công.

### **5. Sở Tư pháp**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thể chế, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

### **6. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, công tác triển khai các nhiệm vụ xây dựng phát triển chính quyền điện tử của các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng Kế hoạch truyền thông về cải cách hành chính; chỉ đạo, hướng dẫn và phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, Báo Bình Định, Đài Truyền thanh cấp huyện, cấp xã đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, phổ biến các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2022 của tỉnh.

### **7. Sở Khoa học và Công nghệ**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh.

### **8. Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, Cổng Thông tin điện tử tỉnh**

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cải cách hành chính; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục về công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện. Trường hợp có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bình Định;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC, BTCĐ, QTTV;
- Lưu: VT, KSTT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**

**PHỤ LỤC**  
**NHIỆM VỤ TRONG TÂM CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2022**  
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh)

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Sản phẩm</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
<b>I</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH</b>				
1	Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Ban hành Kế hoạch: Quý I Thực hiện: Cả năm
2	Kế hoạch truyền thông công tác cải cách hành chính năm 2022.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Ban hành Kế hoạch: Quý I Thực hiện: Cả năm
3	Kế hoạch phát động phong trào thi đua cải cách hành chính giai đoạn 2022 - 2025.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Ban hành Kế hoạch: Quý I
4	Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá chỉ số hành chính và đo lường sự hài lòng của tổ chức, công dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.	Quyết định của UBND tỉnh.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành có liên quan	Quý II
5	Kế hoạch nâng cao Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) giai đoạn 2022-2025.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Quý II

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Sản phẩm</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
6	Khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2022.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Ban hành Kế hoạch: Quý III Thực hiện: Quý IV
7	Triển khai xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2022 đối với các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh; các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh; các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp huyện	Ban hành Kế hoạch: Quý III Thực hiện: Quý IV
8	Khảo sát đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành, địa phương (DDCI) năm 2022.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Ban hành Kế hoạch: Quý III Thực hiện: Quý IV
9	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.	Quyết định của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tư pháp; Các cơ quan có liên quan	Ban hành Quý IV
<b>II</b>	<b>CẢI CÁCH THỂ CHẾ</b>				
10	Ban hành và triển khai thực hiện: Kế hoạch ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2022.	1. Kế hoạch của UBND tỉnh; 2. Báo cáo của UBND tỉnh.	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Ban hành: Quý I Thực hiện: Cả năm
11	Xây dựng Kế hoạch và tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật năm 2022.	1. Kế hoạch của UBND tỉnh; 2. Báo cáo của UBND tỉnh.	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Ban hành: Quý I Thực hiện: Cả năm

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Sản phẩm</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
12	Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Quy định về trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Các sở, ngành, địa phương	Cả năm (Sau khi có quy định của Trung ương)
<b>III</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>				
13	Đề án “Thí điểm triển khai mô hình chính quyền thân thiện phục vụ công dân thực hiện thủ tục hành chính giai đoạn 2022-2025”.	Quyết định của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Ban hành: Quý III Thực hiện: Cả năm
14	Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022.	1. Kế hoạch của UBND tỉnh; 2. Báo cáo của UBND tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Ban hành: Quý I Thực hiện: Cả năm
15	Ban hành Quy định thực hiện liên thông nhóm thủ tục hành chính lĩnh vực: Đăng ký kinh doanh - An ninh trật tự - Karaoke/vũ trường.	Quyết định của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Văn hóa và Thể thao và các cơ quan liên quan	Ban hành: Quý II
16	Ban hành giải pháp nâng cao chất lượng công tác giải quyết thủ tục phê duyệt kết quả đấu giá đất và trường hợp giao đất tái định cư.	Quyết định của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan	Ban hành: Quý IV
17	Kế hoạch thực hiện Đề án “Phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính”.	Quyết định của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Sau khi Chính phủ phê duyệt Đề án
18	Đề án đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Quyết định của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan có liên quan	Ban hành: Quý IV
<b>IV</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b>				
19	Đề án sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh.	Quyết định của UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Sở Nội vụ	Cả năm

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Sản phẩm</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
20	Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.	Quyết định của UBND tỉnh	Các sở, ngành thuộc UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Cả năm (Sau khi có Thông tư của Bộ, ngành Trung ương)
21	Quy định về phân cấp, phân quyền về quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.	Quyết định của UBND tỉnh	Các sở, ngành thuộc UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Cả năm
<b>V</b>	<b>CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ</b>				
22	Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh năm 2022.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Ban hành: Quý I Thực hiện: Cả năm
23	Quy định sửa đổi, bổ sung chính sách thu hút đối với bác sĩ, dược sĩ trên địa bàn tỉnh.	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Tài chính; Các sở, ngành, địa phương	Quý II
24	Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh.	1. Nghị quyết của HĐND tỉnh 2. Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Sở Tài chính; Các sở, ngành, địa phương	Quý IV
25	Quy định tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Quý II
26	Đề án thi tuyển cạnh tranh vào các vị trí quản lý cấp phòng, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Các sở, ngành, địa phương	Quý III
<b>VI</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>				
27	Quy định về khung giá dịch vụ sự nghiệp công lập theo các quy định, hướng dẫn của Trung ương.	Quyết định của UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Sở Tài chính	Cả năm (Sau khi có hướng dẫn của Trung ương)

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Sản phẩm</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
28	Đề án thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.	Quyết định của UBND tỉnh	Các cơ quan có liên quan	Sở Tài chính	Cả năm
29	Thực hiện chuyển đổi một số đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần theo Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Nội vụ; Các cơ quan có liên quan	Cả năm
<b>VII</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ</b>				
30	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	Ban hành: Quý I Thực hiện: Cả năm
31	Kế hoạch phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh năm 2022.	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	Ban hành: Quý I Thực hiện: Cả năm
32	Đề án số hóa dữ liệu chuyên ngành (ưu tiên các lĩnh vực tài nguyên môi trường, xây dựng, dự án đầu tư) và tích hợp lên các nền tảng số, kết nối, chia sẻ CSDL chuyên ngành với trục LGSP của tỉnh phục vụ công tác chuyển đổi số.	Quyết định của UBND tỉnh	Các sở, ngành có liên quan	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ngành, địa phương	Theo Kế hoạch của UBND tỉnh
33	Kế hoạch thực hiện nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ Y tế thông minh phổ cập đến cấp cơ sở, đảm bảo điều kiện tham gia vào mạng lưới Y tế thông minh toàn quốc.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông; các cơ quan có liên quan	Ban hành: Quý I Thực hiện: Cả năm

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Sản phẩm</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
34	Kế hoạch thực hiện nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ Giáo dục thông minh phổ cập đến cấp cơ sở, sẵn sàng tham gia vào mạng lưới Giáo dục thông minh toàn quốc.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông; các cơ quan có liên quan	Ban hành: Quý I Thực hiện: Cả năm
35	Kế hoạch nâng cấp Công thông tin điện tử tỉnh đảm bảo liên kết, tích hợp các Cổng/Trang thông tin điện tử các sở, ngành, địa phương.	Quyết định của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; Các sở, ngành, địa phương	Ban hành: Quý II Thực hiện: Cả năm
36	Đề án mô hình Trung tâm dữ liệu dùng chung.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	Quý III
37	Kế hoạch triển khai: Nền tảng họp trực tuyến, Nền tảng làm việc, cộng tác trên môi trường số dựa trên Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ, nền tảng trợ lý ảo, đảm bảo kế thừa các hệ thống thông tin được xây dựng tại địa phương.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	Quý IV
38	Đề án triển khai mô hình đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	Quý IV
<b>TỔNG CỘNG: 38 NHIỆM VỤ</b>					